| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ T**<br>**TỈNH BẮC NINH**<br>********* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập Tự do Hạnh phúc** |

Bản án số:18/2017/HNGĐ- ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
*V/v"Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BẮC NINH**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

+ *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: ông Đỗ Thế Bình.

+ *Các HTND*: Ông Vũ Thái Hưng, ông Nguyễn Tất Hồng

+ *Thư ký phiên toà:* Bà Đàm Thu Hường.- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn cao Khải- Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2013/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2013 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24/8/2017 giữa:

**+ Nguyên đơn**: ***Chị Nguyễn Thị H***- Sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn M, xã M1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

**+ Bị đơn:** ***Anh Trương Văn S***- Sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn M, xã M1, thị xã T, Bắc Ninh (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi được mai mối và trong thời gian ngắn tìm hiểu, ngày 15/10/2012 chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn S đã đến Ủy ban nhân dân xã M1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và được UBND xã M1, thị xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, thì theo phong tục, tập quán địa phương hai bên gia đình sẽ tổ chức lễ cưới hỏi theo truyền thống và sau khi cử hành lễ cưới vợ chồng mới chính thức về chung sống với nhau. Song trong thời gian chuẩn bị cưới hỏi, chị H và anh S có nảy sinh mâu thuẫn gia

đình chị H đã đem trả lại cau, trầu cho gia đình anh S vì thế việc tổ chức lễ cưới theo phong tục không diễn ra. Và kể từ đó đến nay vợ chồng không chung sống với nhau ngày nào (ai vẫn sống cùng gia đình người đó) do vậy vợ chồng không có con chung và cũng không có tài sản chung.

Ngày 07/10/2013, thấy quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S chỉ tồn tại trên danh nghĩa và bị bó buộc với nhau về mặt pháp lý, còn thực tế tình cảm giữa hai bên không có nên chị H có đơn gửi Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn S.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trương Văn S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập anh S đến làm việc nhưng anh S không hợp tác, thông qua gia đình Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhưng anh S cũng không đến làm việc. Sau nhiều lần triệu tập không có kết quả, Tòa án đã xuống địa phương xác minh và được chính quyền cho biết anh S và gia đình đã chuyển vào Miền Nam cư trú và làm ăn, khi thay đổi nơi cư trú anh S và gia đình không khai báo với chính quyền và cũng không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết địa chỉ, hiện anh S đang ở đâu, làm gì, khi nào về chính quyền và chị H không nắm được. Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh S theo quy định nhưng anh S vẫn không có mặt

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị Ly hôn với anh Trương văn S.

Cũng tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã T đánh giá việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là nghiêm túc, của bị đơn là anh Trương Văn S là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa anh S đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì lý do khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh S là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đai diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trương Văn S; Về con chung; Tài sản chung, công nợ, trích chia công sức không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

+ *Về tố tụng*: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H thấy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn S. Do vậy đủ căn cứ khẳng định tranh chấp giữa chị H và anh S là tranh chấp "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Trương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xác minh tại địa phương được địa phương cho biết vào thời điểm chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn anh S và gia đình vẫn đang cư trú tại thôn M, xã M1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, trong thời gian Tòa thụ lý giải quyết vụ án anh S và gia đình đã chuyển vào sống và làm ăn tại Miền Nam, khi thay đổi nơi cư trú anh S và gia đình không thông báo thông báo cho chính quyền và chị H biết nơi ở mới, hiện địa chỉ cụ thể của anh S ở đâu chính quyền địa phương và chị H không nắm được. Mặt khác xem xét đơn khởi kiện của chị H, thấy trong đơn chị H đã cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ của người bị kiện là anh S theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh S khi thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho chị H biết địa chỉ mới, trong khi anh S đã biết việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn và vụ án đang được Tòa án giải quyết. Như vậy việc không cung cấp địa chỉ của anh S đã vi phạm vào khoản 3 Điều 70 BLTTDS và thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về việc trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án*". Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã làm thủ tục niêm yết triệu tập hợp lệ anh S đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ điểm b khoản Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến Hnh xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về nội dung vụ án: Nhận thấy chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn S kết hôn ngày 15/10/2012, việc kết hôn là tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình 2000, được UBND xã M1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên theo quy định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nếu một trong các bên có yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của chị H và kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S thấy. Về mặt pháp lý quan hệ vợ chồng giữa chị H và

anh S hợp pháp, nhưng thực tế kể từ ngày đăng ký kết hôn đến nay chị H và anh S không chung sống với nhau, ai vẫn sống tại nhà của người đó. Như vậy trong thời kỳ hôn nhân các bên đều không làm tròn bổn phận và trách nhiệm của vợ chồng, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm hai bên không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H và anh S được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí lệ phí Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

* *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trương Văn S.

* *Về con chung, tài sản chung, công nợ, trích chia công sức*: Không có và cũng không có yêu cầu nên không giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số BN/2010/001993 ngày 15/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Từ S.

Trong trường hợp bản án được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Ninh
- VKSND thị xã T;
- THADS thị xã T;
- Đương sự:
- UBND xã M1- TXTS;
- Lưu HS, VP..

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Đỗ Thế Bình**